



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION
www.itd.vn

Mã chứng khoán: ITD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01/04/2021 ĐẾN NGÀY 30/06/2021

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

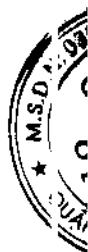
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- Tài sản ngắn hạn	100		230.811.198.261	247.217.438.422
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.154.041.434	6.543.724.367
1. Tiền	111		5.154.041.434	6.543.724.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	224.000.000	224.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		224.000.000	224.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.761.494.183	197.614.610.518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	192.718.701.075	209.843.187.307
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	5.263.631.676	5.027.441.670
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	7.140.848.934	8.105.669.043
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.361.687.502)	(25.361.687.502)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	44.219.646.129	42.688.499.367
1. Hàng tồn kho	141		46.900.511.361	45.369.364.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.680.865.232)	(2.680.865.232)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.452.016.515	146.604.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	398.361.513	113.291.185
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.053.655.002	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	33.312.985
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144.875.463.989	143.218.172.365
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		51.222.772.592	52.080.137.516
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	34.925.483.177	35.559.137.486
- Nguyên giá	222		71.971.467.356	71.897.482.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.045.984.179)	(36.338.344.870)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.297.289.415	16.521.000.030
- Nguyên giá	228		24.887.314.435	24.887.314.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.590.025.020)	(8.366.314.405)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	91.453.711.088	89.509.711.088
1. Đầu tư vào công ty con	251		117.383.611.088	115.439.611.088
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.310.000.000	2.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.367.100.000	7.367.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.607.000.000)	(35.607.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.198.980.309	1.628.323.761
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2.198.980.309	1.628.323.761
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		375.686.662.250	390.435.610.787

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		140.196.279.366	156.858.559.980
I. Nợ ngắn hạn	310		136.370.645.827	152.896.059.086
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	31.838.377.175	42.870.108.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	14.196.433.591	20.717.714.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	497.801.322	3.132.309.004
4. Phải trả người lao động	314	V.14	8.243.568	5.502.741.238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.536.111.414	2.688.424.635
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	55.712.071.319	47.834.738.043
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	26.247.886.496	25.011.575.236
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	3.277.662.268	3.074.388.651
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.056.058.674	2.064.058.674
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.825.633.539	3.962.500.894
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	326.453.550	326.453.550
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1.513.481.800	1.611.220.848
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	1.985.698.189	2.024.826.496

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

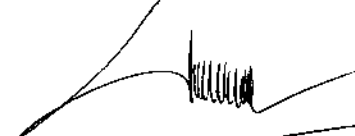
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	235.490.382.884	233.577.050.807
I. Vốn chủ sở hữu	410		235.490.382.884	233.577.050.807
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		190.647.980.000	190.647.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		190.647.980.000	190.647.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(721.880.000)	(721.880.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.604.360.982	3.604.360.982
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.959.921.902	40.046.589.825
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.046.589.825	21.481.038.741
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.913.332.077	18.565.551.084
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		375.686.662.250	390.435.610.787

Người lập biểu



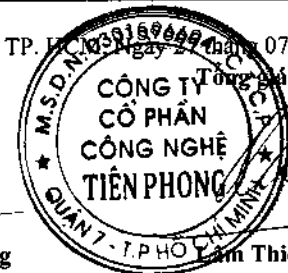
Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2021



Tổng Giám đốc

Lâm Thiệu Quân

18/07/2021

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ: Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

Từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021		Lũy kế từ 01/04/2021 đến 30/06/2021		Đơn vị tính: VND
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	35.398.461.830	45.108.140.304	35.398.461.830	45.108.140.304	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	35.398.461.830	45.108.140.304	35.398.461.830	45.108.140.304	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	25.722.712.866	36.217.552.704	25.722.712.866	36.217.552.704	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.675.748.964	8.890.587.600	9.675.748.964	8.890.587.600	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	13.064.305	3.915.352.194	13.064.305	3.915.352.194	
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	357.264.426	417.047.253	357.264.426	417.047.253	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		332.017.186	417.041.793	332.017.186	417.041.793	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	5.632.248.715	5.039.394.064	5.632.248.715	5.039.394.064	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	1.869.667.012	1.652.993.257	1.869.667.012	1.652.993.257	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.829.633.116	5.696.505.220	1.829.633.116	5.696.505.220	
11. Thu nhập khác	31	VI.07	83.744.496	88.429.406	83.744.496	88.429.406	
12. Chi phí khác	32	VI.08	45.535	77.752.382	45.535	77.752.382	
13. Lợi nhuận khác	40		83.698.961	10.677.024	83.698.961	10.677.024	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		1.913.332.077	5.707.182.244	1.913.332.077	5.707.182.244	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.913.332.077	5.707.182.244	1.913.332.077	5.707.182.244	

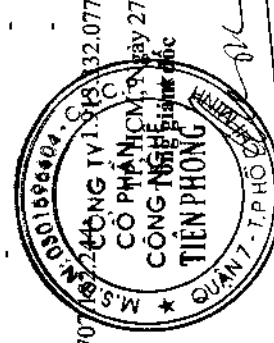
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Thảo

Trương Thị Phương Dung

Lâm Thiều Quân



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.913.332.077	5.707.182.244
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		892.221.617	964.368.444
- Các khoản dự phòng	03		105.534.569	215.579.175
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.066.324)	(3.907.020.562)
- Chi phí lãi vay	06		332.017.186	417.041.793
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(27.335.265)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.241.039.125	3.369.815.829
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.834.840.642	16.104.760.029
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.531.146.762)	(342.518.895)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.835.282.022)	(16.357.111.083)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(855.726.876)	(81.062.899)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(332.017.186)	(417.041.793)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.121.716.114)	(1.345.240.661)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.000.000)	(61.480.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(608.009.193)	870.120.527
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(73.985.000)	(80.690.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.944.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	3.903.949.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.017.985.000)	3.823.259.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

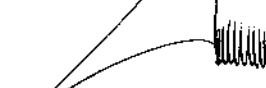
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		16.172.736.591	17.039.301.205
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.936.425.331)	(10.600.095.199)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.236.311.260	6.439.206.006
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.389.682.933)	11.132.585.533
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.543.724.367	485.468.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.154.041.434	11.618.054.248

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung



TP. Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 07 năm 2021

Giám đốc

Lâm Thiều Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 Công ty có 100 nhân viên đang làm việc

5. Cấu Trúc Công ty

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	50,42%	50,42%	50,42%
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Mua bán các thiết bị điện tử.	69,14%	69,14%	69,14%
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	88,59%	88,59%	88,59%
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; thiết bị điện, điện tử.	98,80%	98,80%	98,80%
Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt.	100%	100%	100%

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

11/03/2022

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí hội viên câu lạc bộ golf. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf trả trước thể hiện khoản tiền thanh toán tham gia câu lạc bộ golf trong 44 năm. Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian tham gia (44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 05% trên doanh thu (Kỳ trước là 05%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những Kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn Cổ

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	41.504.503	64.075.375
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.112.536.931	6.479.648.992
Cộng	5.154.041.434	6.543.724.367

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Gửi tiết kiệm tại BIDV HCM	224.000.000	224.000.000
Cộng	224.000.000	224.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	117.383.611.088	(33.297.000.000)	115.439.611.088	(33.297.000.000)
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	29.174.984.223	-	27.230.984.223	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	12.826.229.300	-	12.826.229.300	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	36.565.360.964	(33.297.000.000)	36.565.360.964	(33.297.000.000)
Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.367.100.000	-	7.367.100.000	-
Công ty cổ phần Giao Thông Số Việt Nam	7.367.100.000	-	7.367.100.000	-
Cộng	127.060.711.088	(35.607.000.000)	125.116.711.088	(35.607.000.000)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	981.059.879	868.142.906
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	454.846.457	516.738.282
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	214.642.413	57.877.157
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	79.609.292	81.824.393
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	95.382.967	75.124.324
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu	136.578.750	136.578.750
Phải thu các khách hàng khác	191.737.641.196	208.975.044.401
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	87.175.733.935	87.175.733.935
TCT Phát Triển Hạ Tầng & Đầu Tư Tài Chính Việt Nam-Cty CP	13.850.111.860	27.427.973.049
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	9.125.140.300	9.125.140.300
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Băng Dương	3.896.814.588	3.896.814.588
TCT Giải Pháp DN Viettel- CN TD Công NghiệpVT Quân Đội	1.756.834.413	3.345.345.068
Công ty CP TM DV Viễn Thông Việt Vương	4.613.378.906	14.156.196.988
Công ty Cổ Phần Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật	11.809.994.528	11.809.994.528
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	15.240.818.300	20.454.477.210
Công ty Cổ Phần Giao Thông Số Việt Nam	7.322.069.862	8.158.150.668
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO	15.904.810.986	-
Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam	2.687.158.998	-
Các khách hàng khác	18.354.774.520	23.425.218.067
Cộng	192.718.701.075	209.843.187.307
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	5.263.631.676	5.027.441.670
Công ty CP Thiết Bị Văn Phòng Siêu Thanh	449.790.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây lắp Công trình 575	2.009.462.248	2.009.462.248
Trường Cao Đẳng Đường Sắt	742.153.927	742.153.927
Công ty CP Công Nghệ Kỹ Thuật Số - HITD	-	602.814.384
Công ty TNHH DV-KT-XD-Thành Đô	-	698.500.000
Nhà cung cấp khác	2.062.225.501	974.511.111
Cộng	5.263.631.676	5.027.441.670
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

6. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.560.335.808	(3.500.000.000)	4.286.484.390	(3.500.000.000)
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - khác	-	-	139.758.796	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	31.461.992	-	530.149.305	-
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác	28.873.816	-	116.576.289	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cho mượn	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.580.513.126	-	3.819.184.653	-
Ký cược, ký quỹ	2.019.242.580	-	2.008.120.222	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Tạm ứng	137.517.500	-	169.103.200	-
Phải thu khác	1.423.753.046	-	1.641.961.231	-
Cộng	7.140.848.934	(3.500.000.000)	8.105.669.043	(3.500.000.000)

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	39.479.673.846	-	36.897.821.372	-
Hàng hóa	7.420.837.515	(2.680.865.232)	8.471.543.227	(2.680.865.232)
Cộng	46.900.511.361	(2.680.865.232)	45.369.364.599	(2.680.865.232)

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 2.680.865.232 VND (Số đầu năm là 2.680.865.232 VND).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	216.973.473	40.739.205
Chi phí bảo hiểm	40.971.071	15.318.708
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	4.700.000	18.800.000
Chi phí khác	135.716.969	38.433.272
Cộng	398.361.513	113.291.185

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	587.824.223	593.802.098
Chi phí sửa chữa	865.611.905	227.073.780
Công cụ, dụng cụ	745.544.181	807.447.883
Cộng	2.198.980.309	1.628.323.761

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	50.300.949.660	17.382.379.854	2.729.636.128	1.484.516.714	71.897.482.356
Mua trong năm	-	-	-	73.985.000	73.985.000
Số cuối kỳ	50.300.949.660	17.382.379.854	2.729.636.128	1.558.501.714	71.971.467.356
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.668.852.678	17.058.782.779	2.564.894.368	1.045.815.045	36.338.344.870
Khấu hao trong năm	425.804.475	154.639.200	67.249.132	59.946.502	707.639.309
Số cuối kỳ	16.094.657.153	17.213.421.979	2.632.143.500	1.105.761.547	37.045.984.179
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	34.632.096.982	323.597.075	164.741.760	438.701.669	35.559.137.486
Số cuối kỳ	34.206.292.507	168.957.875	97.492.628	452.740.167	34.925.483.177

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.053.529.245	833.785.190	24.887.314.435
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	24.053.529.245	833.785.190	24.887.314.435
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.030.637.603	335.676.802	8.366.314.405
Khấu hao trong năm	191.916.459	31.794.156	223.710.615
Số cuối kỳ	8.222.554.062	367.470.958	8.590.025.020
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.022.891.642	498.108.388	16.521.000.030
Số cuối kỳ	15.830.975.183	466.314.232	16.297.289.415

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	19.511.673.230	20.335.901.135
Công ty CP Kỹ Thuật điện Toàn Cầu	85.939.901	289.216.806
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	93.381.569	97.451.569
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	17.078.160.000	17.780.860.000
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tinh	2.254.191.760	2.168.372.760
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.326.703.945	22.534.207.495
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hoàng Đạo	826.040.069	826.040.069
Công ty CP TM DV Viễn Thông Việt Vương	1.417.094.800	1.417.094.800
Công ty TNHH Đầu Tư XD Quảng Cáo Duy Tân	2.835.686.744	83.926.744
Công ty CP Công Nghiệp Giao Thông Đông Hải	797.280.000	4.348.800.000
Công ty TNHH Samsung Electronic VN-Thái Nguyên	688.198.500	1.309.459.800
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn IDC	-	1.842.544.000
MAGNETIC CONTROL SYSTEMS SDN,BHD	15.884.960	1.106.077.050
Công ty TNHH Advantech Việt Nam Technology	-	1.170.598.000
Các nhà cung cấp khác	5.746.518.872	10.429.667.032
Cộng	31.838.377.175	42.870.108.630

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	4.668.980.800	4.675.475.200
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tinh	4.668.980.800	4.675.475.200
Trả trước của các khách hàng khác	9.527.452.791	16.042.239.775
Công ty Quản Lý Bay Miền Nam-CN TCTQLBMN-Công ty TNHH	2.143.842.772	432.353.316
Cục Tài Vụ - Quản Trị	5.857.637.633	5.857.637.633
Công ty cổ phần Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO	-	8.574.631.940
Các khách hàng khác	1.525.972.386	1.177.616.886
Cộng	14.196.433.591	20.717.714.975

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.010.592.890	-	-	1.010.592.890	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	136.578.621	136.578.621	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	38.297.161	38.297.161	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.716.114	-	-	2.121.716.114	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	33.312.985	634.883.473	103.769.166	497.801.322	-
Cộng	3.132.309.004	33.312.985	809.759.255	3.410.953.952	497.801.322	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

- Không chịu thuế
- 0%
- 10%

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

14. Phải trả người lao động

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thi công cho công trình	2.426.111.414	2.541.426.191
Chi phí lãi vay	-	24.998.444
Chi phí khác	110.000.000	122.000.000
Cộng	2.536.111.414	2.688.424.635

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	28.464.773.440	27.161.296.670
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	14.113.440	5.013.470
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tinh - Cho mượn	7.700.000.000	6.400.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - phải trả dịch vụ tiện ích	660.000	6.283.200
Công ty TNHH MTV kỹ thuật CN Tiên Phong - Cho mượn	20.750.000.000	20.750.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	27.247.297.879	20.673.441.373
Phải trả tiền mượn các cá nhân	22.650.000.000	16.500.000.000
Cổ tức phải trả	113.123.700	113.123.700
Phải trả BHXH	9.475.154	39.398.001
Phải trả khác	4.054.799.128	3.601.019.775
Nhận ký quỹ, ký cược	419.899.897	419.899.897
Cộng	55.712.071.319	47.834.738.043

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	326.453.550	326.453.550
Nhận ký quỹ, ký cược	326.453.550	326.453.550
Cộng	326.453.550	326.453.550

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	26.247.886.496	26.247.886.496	25.011.575.236	25.011.575.236
Vay Ngân hàng TMCP phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, CN TP. Hồ Chí Minh (1)	26.247.886.496	26.247.886.496	23.401.210.286	23.401.210.286
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN, CN Phú Mỹ Hưng.	-	-	1.610.364.950	1.610.364.950
Cộng	26.247.886.496	26.247.886.496	25.011.575.236	25.011.575.236

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

(1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp 1.500.000 cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (xem thuyết minh số V2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.011.575.236	16.172.736.591	14.936.425.331	26.247.886.496
Cộng	25.011.575.236	16.172.736.591	14.936.425.331	26.247.886.496

17b. Vay dài hạn**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	3.074.388.651
Trích lập dự phòng	233.511.163
Số sử dụng	(89.009.526)
Phân loại lại	58.771.980
Số cuối kỳ	3.277.662.268

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	1.611.220.848
Số sử dụng	(38.967.068)
Phân loại lại	(58.771.980)
Số cuối kỳ	1.513.481.800

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**Số đầu năm****2.064.058.674**

Chi quỹ trong kỳ

(8.000.000)

Số cuối kỳ**2.056.058.674****20. Quỹ Phát triển khoa học công nghệ**

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	1.677.670.670	347.155.826	2.024.826.496
Khấu hao tài sản cố định	-	(39.128.307)	(39.128.307)
Số cuối kỳ	1.677.670.670	308.027.519	1.985.698.189

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

21. Vốn chủ sở hữu**21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu Kỳ trước	190.647.980.000	(721.880.000)	2.574.360.982	39.990.137.964	232.490.598.946
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.618.851.883	20.618.851.883
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.030.000.000	(2.053.300.800)	(1.023.300.800)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(18.992.610.000)	(18.992.610.000)
Quyết toán quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	483.510.778	483.510.778
Số dư cuối Kỳ trước	190.647.980.000	(721.880.000)	3.604.360.982	40.046.589.825	233.577.050.807
Số dư đầu Kỳ này	190.647.980.000	(721.880.000)	3.604.360.982	40.046.589.825	233.577.050.807
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.913.332.077	1.913.332.077
Số dư cuối Kỳ này	190.647.980.000	(721.880.000)	3.604.360.982	41.959.921.902	235.490.382.884

21 b. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

- *Cổ phiếu phổ thông*- *Cổ phiếu ưu đãi*

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- *Cổ phiếu phổ thông*- *Cổ phiếu ưu đãi*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- *Cổ phiếu phổ thông*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21 c. Phân phối lợi nhuận

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29 tháng 6 năm 2021 thông qua mức chia cổ tức năm 2020 là : 12% bằng tiền mặt.

Số cuối kỳ	Số đầu năm
19.064.798	19.064.798
19.064.798	19.064.798
19.064.798	19.064.798
-	-
72.188	72.188
72.188	72.188
-	-
18.992.610	18.992.610
18.992.610	18.992.610

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Tổng doanh thu	35.398.461.830	45.108.140.304	35.398.461.830	45.108.140.304
- Doanh thu bán hàng hóa	31.835.362.014	41.169.394.021	31.835.362.014	41.169.394.021
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.563.099.816	3.938.746.283	3.563.099.816	3.938.746.283
Doanh thu thuần	35.398.461.830	45.108.140.304	35.398.461.830	45.108.140.304

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	19.531.167.149	29.265.182.003	19.531.167.149	29.265.182.003
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.191.545.717	6.952.370.701	6.191.545.717	6.952.370.701
Cộng	25.722.712.866	36.217.552.704	25.722.712.866	36.217.552.704

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.066.324	3.071.562	2.066.324	3.071.562
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.833.741	1.612.557	1.833.741	1.612.557
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.903.949.000	-	3.903.949.000
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.675.131	-	3.675.131	-
Lãi CLTG phát sinh	5.489.109	6.719.075	5.489.109	6.719.075
Cộng	13.064.305	3.915.352.194	13.064.305	3.915.352.194

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Chi phí lãi vay	332.017.186	417.041.793	332.017.186	417.041.793
Lỗ CLTG phát sinh	25.247.240	5.460	25.247.240	5.460
Cộng	357.264.426	417.047.253	357.264.426	417.047.253

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Chi phí cho nhân viên	5.140.259.630	4.652.124.244	5.140.259.630	4.652.124.244
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.340.305	122.309.362	89.340.305	122.309.362
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.021.482	2.500.002	1.021.482	2.500.002
Chi phí bảo hành	71.872.264	1.467.182	71.872.264	1.467.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.734.566	196.782.269	199.734.566	196.782.269
Chi phí khác	130.020.468	64.211.005	130.020.468	64.211.005
Cộng	5.632.248.715	5.039.394.064	5.632.248.715	5.039.394.064

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Chi phí cho nhân viên	1.193.761.430	1.082.533.701	1.193.761.430	1.082.533.701
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.766.034	72.969.173	80.766.034	72.969.173
Chi phí khấu hao TSCĐ	79.756.241	120.339.282	79.756.241	120.339.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	493.630.747	359.392.220	493.630.747	359.392.220
Chi phí khác	21.752.560	17.758.881	21.752.560	17.758.881
Cộng	1.869.667.012	1.652.993.257	1.869.667.012	1.652.993.257

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Thu tiền Vsop	83.744.496	62.073.180	83.744.496	62.073.180
Thu khác	-	26.356.226	-	26.356.226
Cộng	83.744.496	88.429.406	83.744.496	88.429.406

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Chi phí khác	45.535	77.752.382	45.535	77.752.382
Cộng	45.535	77.752.382	45.535	77.752.382

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

II. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020
Chi phí hàng hóa xuất bán	19.401.209.648	25.405.388.586	19.401.209.648	25.405.388.586
Chi phí nhân công	6.334.021.060	5.734.657.945	6.334.021.060	5.734.657.945
Thiết bị văn phòng và VPP	170.106.339	195.278.535	170.106.339	195.278.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	892.221.617	899.896.920	892.221.617	899.896.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.690.447.473	8.676.859.509	8.690.447.473	8.676.859.509
Chi phí khác	318.474.930	(104.839.338)	318.474.930	(104.839.338)
Cộng	35.806.481.067	40.807.242.157	35.806.481.067	40.807.242.157

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.116.120.000 VND (cùng kỳ Kỳ trước là 1.152.300.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	Cùng tập đoàn
Công ty cổ phần In No	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu	Cùng tập đoàn

Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối năm này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	175.159.828	150.802.997
Phải thu chi phí chia sẻ	26.248.924	25.186.691
Bán hàng hoá và dịch vụ	57.320.000	-
Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	124.162.500	111.746.250

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

giữa Công ty với các công

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu		
Mua hàng hoá và dịch vụ	101.694.225	528.515.567
Cho thuê kho, thuê văn phòng	338.460.415	314.728.830
Nhận VSOP	83.744.496	62.073.180
Nhận cổ tức	-	3.903.949.000
Phải thu chi phí chia sẻ	28.601.811	27.225.142
Phải trả chi phí chia sẻ	600.000	-
Bán hàng hoá và dịch vụ	79.420.000	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh		
Mua hàng hoá và dịch vụ	83.290.000	62.944.693
Bán hàng hoá và dịch vụ	5.904.000	4.623.560.000
Tiền mượn	1.300.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến		
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	455.691.252	393.127.428
Phải thu chi phí chia sẻ	-	300.000
Phải trả chi phí chia sẻ	8.272.700	6.503.200
Bán hàng hoá và dịch vụ	133.240.000	-
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	51.218.568	45.716.354
Mua hàng hoá và dịch vụ	1.243.550.000	1.020.000.000

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2021 đến 30/06/2021

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Hạ tầng - Giao thông	23.721.003.408	16.323.831.154	7.397.172.254
Viễn thông - tin học	8.817.779.150	7.108.461.483	1.709.317.667
Lĩnh vực khác	2.859.679.272	2.290.420.229	569.259.043
Tổng cộng	35.398.461.830	25.722.712.866	9.675.748.964

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2022

3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Chỉ tiêu	Từ 01/04/2021 đến	Từ 01/04/2020	Chênh lệch	So sánh
	30/06/2021	đến 30/06/2020		
Tổng doanh thu	35.398.461.830	45.108.140.304	(9.709.678.474)	-22%
Giá vốn hàng bán	25.722.712.866	36.217.552.704	(10.494.839.838)	-29%
Lợi nhuận gộp	9.675.748.964	8.890.587.600	785.161.364	9%
Doanh thu tài chính	13.064.305	3.915.352.194	(3.902.287.889)	-100%
Chi phí tài chính	357.264.426	417.047.253	(59.782.827)	-14%
Chi phí bán hàng	5.632.248.715	5.039.394.064	592.854.651	12%
Chi phí quản lý DN	1.869.667.012	1.652.993.257	216.673.755	13%
Thu nhập khác	83.744.496	88.429.406	(4.684.910)	-5%
Chi phí khác	45.535	77.752.382	(77.706.847)	-100%
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.913.332.077	5.707.182.244	(3.793.850.167)	-66%

Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ cho thấy lợi nhuận sau thuế giảm 3,8 tỷ tương đương giảm 66% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do ảnh hưởng của doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ các công con chưa chuyên trả cổ tức.

Người lập biểu

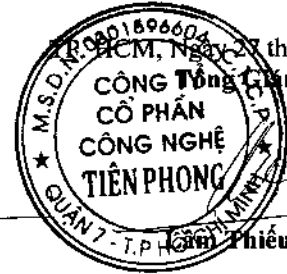


Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung



Lâm Thiệu Quân